

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 11B

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 11B

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Phương Thu	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Thọ	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Trương Thị Kiều Tiên	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó chủ tịch hội đồng	
4	Nguyễn Thị Thế Mỹ	Văn thư	Thư ký hội đồng	
5	Thái Thị Hồng Ân	Tổ trưởng chuyên môn nhóm 13-36 tháng	Ủy viên hội đồng	
6	Huỳnh Lê Xuân Trang	Chủ tịch Công đoàn Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
7	Dương Thị Thu Trang	Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 5-6 tuổi	Ủy viên hội đồng	
9	Đào Ngọc Thanh Huyền	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
10	Lương Thị Thân Thương	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
11	Đinh Ngọc Thu Diễm	Tổ trưởng tổ cấp dưỡng	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	38
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	40
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	42

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	48
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	49
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	51
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị	53
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	55
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	57
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	59
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	61
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	62
Mở đầu	62
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	62
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường	64
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	66
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	67
Mở đầu	67
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	67
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	70
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	72
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	76
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	78
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	79
Phần IV. PHỤ LỤC	81-97

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	-
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	-
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	-
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	X
Tiêu chí 4.2		x	x	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 11B

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận/thị xã/thành phố	quận Bình Thạnh
Xã /phường/thị trấn	Phường 11
Đạt chuẩn quốc gia	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1997
Công lập	X
Tư thực	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Trần Phương Thu
Điện thoại	028.3515.1455
Fax	Không
Website	mn11b.binhthanh.hcm.edu.vn
Số điểm trường	03 điểm
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	02	01	01	02	02
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	01	01	02	02
Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	03	03	02	04	03
Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi	03	02	02	03	03
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	03	03	03	02	02
Cộng	13	10	09	13	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	13	10	09	16	16	
1	Phòng kiên cố	13	10	09	16	16	

2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	02	02	02	04	04	
1	Phòng kiên cố	02	02	02	04	04	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính	06	06	06	06	06	
1	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	02	02	02	02	02	
	Các phòng khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
	Cộng	23	20	19	28	28	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 9 năm 2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	25	25	00	00	05	20	
Nhân viên	10	08	00	06	04	00	
Cộng	38	36	00	06	09	23	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số Giáo viên	30	27	26	28	25
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	59/10 = 5,9	80/8 = 10	50/8 = 6,3	85/9 = 9,4	69/8 = 8,6
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	221/20 = 11,1	223/19 = 11,7	164/18 = 9,1	215/19 = 11,3	225/17 = 13,2
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	04	05	06	03	05

6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	01	00
7	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	280	303	214	300	294	
	- Nữ	149	141	105	140	184	
	- Dân tộc thiểu số	00	00	00	00	00	
2	Đối tượng chính sách	00	00	00	00	02	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	105	67	15	221	184	
5	Học 2 buổi/ngày	280	303	214	300	294	
6	Bán trú	280	303	214	300	294	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	221/9 = 24,6	223/8 = 27,9	164/7 = 23,4	215/9 = 23,8	225/8 = 28,1	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	59/4 = 14,8	80/2 = 40	50/2 = 25	85/4 = 21,3	69/4 = 17,3	

9	Trẻ em từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	27	38	21	37	25	
	Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	32	42	29	48	44	
	Trẻ em từ 3- 4 tuổi	56	64	47	73	72	
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	73	72	55	71	80	
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	92	87	62	71	73	
10	Số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00	

5. Các số liệu khác (nếu có): không có.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 11B được thành lập theo quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc sắp xếp mạng lưới giáo dục. Trường gồm 03 điểm học:

- Điểm 1: 237/11/64 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, quận Bình Thạnh sử dụng từ năm 1981, diện tích 1.332,9m². Tháng 4 năm 2012 được Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp kinh phí xây dựng mới, gồm 08 phòng học và 02 phòng chức năng.

- Điểm 2: Số 02 Tăng Bạt Hổ, Phường 11, quận Bình Thạnh được bàn giao và sử dụng từ ngày 05 tháng 9 năm 2022 đến nay với diện tích 1.067,8m², gồm 08 phòng học và 02 phòng chức năng.

- Điểm 3: Số 2/12 Tăng Bạt Hổ, Phường 11, quận Bình Thạnh, diện tích 266,2m², nhưng hiện nay xuống cấp tạm ngưng hoạt động và làm nhà kho của trường.

Trường luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Quận ủy, Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, các ban ngành đoàn thể địa phương cùng với sự hỗ trợ nhiệt tình của các bậc cha mẹ trẻ trong các hoạt động.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non, có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn đạt 92%. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ từ khá trở lên. Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, có nền nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như: học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động. Ngày 24

tháng 4 năm 2020 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 (Quyết định số 6626-11/QĐ-GDDT- KTKĐ).

Trên 30 năm xây dựng và phát triển, trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 1980 đến nay trường nhiều năm đạt Tập thể Lao động xuất sắc; năm học 2016-2017, trường vinh dự nhận cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua”; năm học 2017-2018 nhận Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”; năm học 2022-2023 trường đạt Bằng khen Thành phố. Chi bộ trường Mầm non 11B có 10 đảng viên, giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn vững mạnh xuất sắc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đạt Chi đoàn vững mạnh.

Năm học	Thành tích	Số quyết định
2016-2017	Cờ thi đua của UBND Tp.HCM về “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua”	
2017-2018	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”	
2022-2023	Bằng khen Thành phố	Số 3478/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2023 của UBND TP Hồ Chí Minh

Theo kế hoạch năm học 2024-2025, nhà trường thực hiện việc tự đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và công khai với xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận trường Mầm non 11B đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Mục đích tự đánh giá

Với quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục,

giữ vững danh hiệu cao quý cùng với sự tín nhiệm từ phía cha mẹ trẻ, các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương. Trường Mầm non 11B đã triển khai công tác tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Qua việc đánh giá sẽ giúp cho tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh cũng như những điểm yếu nhằm cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường. Công tác quản lý ngày một chặt chẽ hơn, mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Tập thể sư phạm trường Mầm non 11B cố gắng phấn đấu giữ vững thành tích đạt được trong các năm qua.

Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá và duy trì công nhận trường Mầm non 11B đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Tuần 1 tháng 6 năm 2024: thành lập Hội đồng tự đánh giá và xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, xây dựng kế hoạch tự đánh giá. Hội đồng sư phạm nhà trường phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường, tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tuần 2 tháng 6 năm 2024: thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá. Cá nhân và các tổ thực hiện thu thập minh chứng liên quan đến từng tiêu chí theo sự phân công của Chủ tịch hội đồng, mã hóa các minh chứng thu được. Cá nhân và các tổ viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Tuần 1 tháng 7 năm 2024: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí;

viết báo cáo tự đánh giá.

Họp Hội đồng tự đánh giá thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung. Cá nhân báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá. Dự thảo báo cáo tự đánh giá, kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.

Tuần 1 tháng 8 năm 2024: Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo tự đánh giá đã được điều chỉnh. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp. Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

Tuần 1 tháng 9 năm 2024: Nộp báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Tháng 10 năm 2024: Thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non và quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chức năng và nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường đều được thể chế hóa bằng văn bản và được triển khai thực hiện nghiêm túc; các đoàn thể luôn chủ động và hoạt động đạt hiệu quả. Trường Mầm non 11B thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2019-2025 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục: nhằm giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá trẻ theo hướng phát huy tính tích cực; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tăng cường công tác đầu tư cơ sở vật chất nhà trường; thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và dạy học nhằm hướng đến xây dựng và phát triển trường Mầm non 11B trở thành một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác

định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược trường Mầm non 11B được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và được công khai qua các hình thức: bảng tin tuyên truyền nhà trường; trang website và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của đơn vị [H1-1.1 -02].

Mức 2:

Nhà trường có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển trong từng năm học như: hồ sơ tuyển sinh [H1-1.1-03]; kế hoạch năm học [H1-1.1-04]; kế hoạch chăm sóc giáo dục [H1-1.1-05] và kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng [H1-1.1-06]. Hằng tháng, hằng quý, học kỳ nhà trường đều tiến hành giám sát thông qua các buổi họp, qua các báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục đã xây dựng [H1-1.1-07].

Mức 3:

Đầu năm học, cán bộ quản lý có kiểm tra và tổ chức rà soát định kỳ, bổ sung và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-08]. Chất lượng chuyên môn và các hoạt động giáo dục của giáo viên có đánh giá theo từng học kỳ. Tuy nhiên, phương hướng, chiến lược của nhà trường chưa nhận được sự quan tâm của cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược, xác định được những mục tiêu cụ thể, có các biện pháp để tập thể sư phạm nhà trường thể hiện rõ tâm tư, nguyện vọng, nhằm nêu cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; được kiểm tra theo định kỳ, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược của nhà trường chưa nhận được sự quan tâm của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục động viên đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công để đảm bảo thực hiện đúng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn và mời các tổ chức đoàn thể như Hội khuyến học phường, Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng tham gia họp và đóng góp ý kiến để nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường Mầm non 11B nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo Quyết định số 17355/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh ban hành [H1-1.1-08]. Ngoài ra, nhà trường còn có các hội đồng khác do hiệu trưởng ra quyết định thành lập vào đầu năm học như: Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; Hội đồng chấm xét công nhận sáng kiến [H1-1.1-03]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

b) Các hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Quy định tại Điều 18, 19 của Điều lệ trường mầm non (Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020) của Bộ Giáo dục và Đào tạo

về việc ban hành Điều lệ trường mầm non). Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi nhiệm vụ đã được quy định [H1-1.1-08]; Hội đồng thi đua khen thưởng xây dựng các nội dung khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động học, giờ chơi và giờ ăn được quy định trong Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến thực hiện 01 lần trong năm [H1-1.2-03].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các cuộc họp của nhà trường [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các hội đồng trong nhà trường thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao: Hội đồng trường xây dựng mục tiêu, kế hoạch năm học, nội quy, quy chế của đơn vị, việc sử dụng tài chính, tài sản, việc thực hiện quy chế dân chủ và thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động trong nhà trường [H1-1.1-08]; Hội đồng thi đua khen thưởng đã phát động phong trào thi đua trong đơn vị, bình xét thi đua 02 lần/năm học vào học kỳ I và cuối năm, đề xuất khen thưởng cấp quận, thành phố cho tập thể và các cá nhân [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm sáng kiến đã định hướng cho các cá nhân thực hiện sáng kiến, giải pháp; xét công nhận các sáng kiến, giải pháp cấp trường và thực hiện hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp quận [H1-1.2-03]. Tuy nhiên, hồ sơ Hội đồng trường sắp xếp chưa khoa học, một số nội dung ghi chép chưa theo trình tự.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và hoạt động có hiệu quả, được rà soát, đánh giá trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Hồ sơ Hội đồng trường sắp xếp chưa khoa học, một số nội dung ghi chép chưa theo trình tự.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì hoạt động của các hội đồng trong nhà trường và đưa ra những vướng mắc, khó khăn cụ thể của đơn vị, để các thành viên trong hội đồng phát huy hết năng lực của mình, Chủ tịch Hội đồng trường chỉ đạo, hướng dẫn các thành viên trong Hội đồng sắp xếp, lưu trữ hồ sơ một cách khoa học, ghi chép các nội dung đầy đủ theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) *Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) *Hoạt động theo quy định;*
- c) *Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) *Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có đầy đủ các tổ chức đoàn thể: Công đoàn cơ sở gồm 38

Công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 09 đoàn viên trực thuộc Đoàn Phường 11 quận Bình Thạnh [H1-1.3-02]. Ngoài ra, trường còn có các tổ chức xã hội khác như: Chi hội Khuyến học với 38 hội viên [H1-1.3-03]; Hội Chữ thập đỏ với 38 hội viên [H1-1.3-04].

b) Các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật như: thực hiện đúng nghị quyết, điều lệ của tổ chức đã đề ra trong từng năm học, nhiệm kỳ, trên cơ sở tự nguyện, theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Làm tốt chức năng, nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên, hội viên nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường luôn được rà soát, đánh giá vào tháng 5 của năm học. Qua đó, rút kinh nghiệm đề xuất phối hợp với cơ quan Nhà nước, đoàn thể và các tổ chức xã hội giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị để kịp thời bổ sung vào phương hướng tổ chức hoạt động cho những năm tiếp theo [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Trường Mầm non 11B có Chi bộ độc lập, trực thuộc Đảng ủy Phường 11, quận Bình Thạnh, hiện nay có 10 đảng viên (03 đảng viên là cán bộ quản lý; 06 đảng viên là giáo viên và 01 đảng viên là nhân viên). Bí thư Chi bộ là hiệu trưởng, phó Bí thư Chi bộ là phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục nên rất thuận tiện trong công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà trường [H1-1.3- 05]. Trong 05 năm qua (từ năm 2019 đến năm 2023) Chi bộ được đánh giá như sau:

Năm	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Kết quả đánh giá	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

b) Công đoàn cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến toàn thể Công đoàn viên thông qua các buổi họp Hội đồng nhà trường hằng tháng, các buổi họp sinh hoạt tổ Công đoàn. Công đoàn đóng góp các loại quỹ cho xã hội, tham gia các hoạt động xã hội nhân đạo và chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của Công đoàn viên [H1-1.3-01]. Đoàn viên thanh niên tham gia tốt các hoạt động do Đoàn Phường 11 phát động như Ngày Chủ nhật xanh, phòng chống dịch bệnh Covid-19, sốt xuất huyết, tay chân miệng. Đoàn Thanh niên xây dựng tốt các chương trình hành động và giới thiệu Đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-02]. Chi hội Khuyến học thực hiện xây dựng quỹ “Tiết kiệm nuôi heo đất”, thực hiện trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho con cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có thành tích tốt trong học tập [H1-1.3-03]. Hội Chữ thập đỏ vận động từ 2-3 hội viên tham gia hiến máu nhân đạo tình nguyện, tham gia Hội thi Sơ cấp cứu cấp quận đạt giải khuyến khích [H1-1.3-04]. Các đoàn thể và chi hội Khuyến học, hội Chữ thập đỏ đã có nhiều hoạt động tích cực, hiệu quả góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhà trường. Tuy nhiên, nhân sự Ban chấp hành Chi đoàn mới đảm nhiệm công tác được 01 năm do đó chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động [H1-1.3-02].

Mức 3:

a) Từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ trường đạt 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ; 100% đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 03 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Đoàn thể và các tổ chức trong trường luôn tích cực tham gia đóng góp các hoạt động của đơn vị và cộng đồng như: Công đoàn tham gia tình nguyện hiến máu nhân đạo, đóng góp quỹ vì người nghèo với chương trình “Trao gửi yêu thương”, tặng vải áo dài cho giáo viên vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ đồng nghiệp khó khăn ngoại thành vui tết và hoạt động phong trào hội thi do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động [H1-1.3-01]. Chi đoàn thực hiện tốt công trình thanh niên “Xây dựng trường học xanh” và tham gia các hoạt động

phong trào hội thi do Quận Đoàn phát động “Nét đẹp phần trắng” đạt giải khuyến khích [H1-1.3-02]. Chi hội Khuyến học vận động hội viên đóng góp thực hiện công trình tặng suất học bổng cho học sinh khó khăn; phát động phong trào “Nuôi heo đất” và tổ chức ngày hội “Khui heo đất” qua đó chăm lo cho giáo viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại trường và địa phương [H1-1.3-03]. Chi hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ và tuyên truyền vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia hiến máu hiến máu nhân đạo và tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện [H1-1.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức khác trong nhà trường tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Nhân sự Ban chấp hành Chi đoàn mới đảm nhiệm công tác được 01 năm do đó chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục đảm bảo các yêu cầu về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường theo quy định; phân công phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục quan tâm, bồi dưỡng, giúp đỡ và tạo điều kiện cho Ban chấp hành Chi đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các

nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường Mầm non 11B có hiệu trưởng (Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022) [H1-1.4-01], 01 phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021) [H1-1.4-02], 01 phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2023) [H1-1.4-03] theo Thông tư liên tịch 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non.
- b) Toàn trường có 06 tổ, gồm 05 tổ chuyên môn: 01 tổ nhà trẻ (08 giáo viên); 01 tổ mẫu giáo 3-4 tuổi (06 giáo viên); 01 tổ mẫu giáo 4-5 tuổi (07 giáo viên); 01 tổ mẫu giáo 5-6 tuổi (04 giáo viên); 01 tổ nhân viên nấu ăn (04 thành viên) và 01 tổ văn phòng gồm văn thư, kế toán, bảo vệ, phục vụ (06 thành viên) [H1-1.4-04]. Mỗi tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có 01 tổ trưởng phụ trách theo quyết định phân công của hiệu trưởng [H1-1.4-05].
- c) Các tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hằng tháng, tổ chuyên môn họp định kỳ 02 lần/tháng: bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi

dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên [H1-1.4-08]; [H1-1.2-01]; các thành viên của tổ chuyên môn và tổ văn phòng tham gia đánh giá, xếp loại hằng năm [H1-1.4-09]. Tổ văn phòng họp định kỳ 01 lần/tháng giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-10].

Mức 2:

a) Hằng năm, cán bộ quản lý và các tổ trưởng chuyên môn được tham dự các lớp tập huấn chuyên đề do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức. Căn cứ kế hoạch năm học, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ như: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, “Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội”, “Giáo dục kỹ năng sống”, “Tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển các biểu tượng toán cho trẻ mầm non”, “Tạo hình cho trẻ nhà trẻ”, “Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết”, “Đổi mới phát triển ngôn ngữ”, “Tổ chức giờ ăn cho trẻ mầm non” [H1-1.4-11].

b) Các tổ chuyên môn họp định kỳ 02 lần/tháng, tổ văn phòng họp định kỳ 01 lần/tháng, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục [H1-1.4-06]; [H1-1.4-10].

Mức 3:

a) Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có những đóng góp, nâng cao hiệu quả chất lượng các hoạt động của nhà trường thể hiện qua: kết quả chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; công tác tham mưu, phối hợp tạo uy tín và niềm tin với cha mẹ trẻ, chính quyền địa phương; thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị. Tuy nhiên, còn 01 thành viên ở tổ văn phòng và 02 thành viên ở tổ chuyên môn chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến trong các buổi họp [H1-1.4-06]; [H1-1.4-10].

b) Các thành viên trong tổ chuyên môn có đầu tư tiết học và hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, cụ thể: Năm học 2021-2022, trường thực hiện chuyên đề cấp Quận “Xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho trẻ mầm non”; cấp trường “Xây dựng các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm” tại lớp Chồi 1; “Phát triển bài tập, trò chơi trong làm quen chữ viết” tại lớp Lá 1; “Nâng cao năng lực giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ” thực hiện đồng diễn thể dục sáng khối Lá, tổ chức hội thao “Năng lượng mới-Cả ngày vui” khối mẫu giáo; “Tổ chức bữa ăn gia đình” cho trẻ lớp Lá 1 [H1-1.4-11].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của nhà trường đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động của nhà trường, đặc biệt là chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị.

3. Điểm yếu

01 thành viên ở tổ văn phòng và 02 thành viên ở tổ chuyên môn chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng duy trì cơ cấu các tổ chuyên môn theo quy định, phân công 02 phó hiệu trưởng tham dự các buổi họp của tổ để định hướng công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của các thành viên trong tổ. Động viên, khuyến khích giáo viên, nhân viên mạnh dạn đóng góp ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm trong các buổi họp, kịp thời giải đáp những khó khăn vướng mắc.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa

quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, toàn trường có 262 trẻ được phân chia thành 12 nhóm lớp: 01 nhóm chao (13-18 tháng); 01 nhóm cơm nát (19-24 tháng); 02 nhóm cơm thường (25-36 tháng); 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi; 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ trường mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.5-01].

b) 100% trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú tại trường [H1-1.5-02].

c) Trong 5 năm vừa qua nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-07].

Mức 2:

Năm học 2024-2025, nhà trường nhận trẻ theo đúng kế hoạch tuyển sinh, số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá qui định; trẻ phân chia vào các lớp phù hợp theo độ tuổi. Tuy nhiên, số trẻ các nhóm nhà trẻ chưa đủ theo qui định; tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01].

+ Nhóm 13 đến 24 tháng tuổi: 13 trẻ/02 lớp;

+ Nhóm 25 đến 36 tháng tuổi: 30 trẻ/02 lớp;

+ Lớp 3-4 tuổi: 67 trẻ/03 lớp;

+ Lớp 4-5 tuổi: 70 trẻ/03 lớp;

+ Lớp 5-6 tuổi: 70 trẻ/02 lớp.

Mức 3:

Năm học 2024-2025, nhà trường có tổng số nhóm, lớp: 04 nhóm nhà trẻ, 08 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Số trẻ các nhóm nhà trẻ, chưa đủ theo qui định điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 10 năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện đúng chỉ tiêu tuyển sinh và phân chia trẻ đúng độ tuổi theo quy định nhằm đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được tốt nhất; phối hợp Hội đồng giáo dục Phường 11 thông tin rộng rãi đến người dân trên địa bàn kế hoạch tuyển sinh của trường nhằm huy động thêm trẻ nhóm trẻ ra lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của*

thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có hệ thống hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ về công tác văn thư và hiệu trưởng phân công giao nhiệm vụ cá nhân và bộ phận phụ trách cụ thể: hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-04]; sổ lưu trữ công văn đi, đến [H1-1.6-01]; hồ sơ quản lý tài chính-tài sản [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý cơ sở vật chất [H1-1.6-03]. Hồ sơ luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, đảm bảo tính kế thừa, tính thống nhất.

b) Tháng 12 hằng năm, kế toán tham mưu hiệu trưởng lập dự toán ngân sách cho năm tiếp theo trình Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh và Phòng Tài chính-Kế hoạch phê duyệt, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng theo quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên văn thư thực hiện công khai các nội dung: cơ sở vật chất, tài chính, chất lượng giáo dục với tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ trên cổng thông tin điện tử, trên bảng tin của trường và tại buổi họp Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành, thực hiện hồ sơ Nghị quyết 08 hằng quý theo quy định [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]. Nhà trường thực hiện kiểm tra định kỳ tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-02].

c) Hiệu trưởng quản lý, chỉ đạo nhân viên kế toán sử dụng tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích và đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Thực hiện công tác kiểm kê tài sản hằng năm, có kế hoạch từng bước trang bị, mua sắm trang thiết bị trong danh mục và ngoài danh mục để bổ sung kịp thời nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục [H1-1.6-03]. Giáo viên, nhân viên giữ gìn và bảo quản tốt tài sản trường, lớp, phòng làm việc nhằm phục vụ các

hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, bộ phận văn phòng có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: chữ ký số, cổng thông tin điện tử, phần mềm Imas, SSC, Epmis, phần mềm Sở Nội vụ [H1-1.6-06].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định của tài chính [H1-1.6-07].

Mức 3:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn để tạo ra nguồn quỹ bổ sung thu nhập cho đối tượng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý tốt hành chính, tài chính, tài sản theo quy định.

3. Điểm yếu

Trường chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn để tạo ra nguồn quỹ bổ sung thu nhập cho đối tượng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp .

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản cũng như thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả. Kế toán tham mưu với hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dài hạn để tạo ra nguồn quỹ bổ sung thu nhập cho đối tượng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại

công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) *Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

b) *Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

c) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu công tác thông qua các chuyên đề [H1-1.4-11], học tập bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.7-01]. Đồng thời có kế hoạch ngắn hạn cũng như dài hạn cho đội ngũ tham gia học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-02].

b) Đầu năm học, hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý theo trình độ chuyên môn, năng lực từng cá nhân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc trong các hoạt động được quy định tại Chương V Điều 26, 27, 28 Điều lệ trường mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.4-04].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, các chính sách theo quy định như: chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm

xã hội, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]. Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt lao động tiên tiến và được quan tâm chăm lo trong các ngày lễ tết, tham quan dịp hè [H1-1.7-03]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Hằng năm, thông qua dự giờ thực tế, cán bộ quản lý phát huy năng lực của giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc kiểm tra quy chế chuyên môn, dự giờ đột xuất và báo trước. Tuy nhiên, còn 03/25 giáo viên (tỷ lệ 12%) khi tổ chức hoạt động học, vui chơi chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.7-08].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phân công sử dụng hợp lý, đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

03/25 giáo viên tỷ lệ 12% khi tổ chức hoạt động học, vui chơi chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phân công, sử dụng hợp lý, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên thông qua các buổi họp chuyên môn, dự giờ thực tế và tạo điều kiện cho giáo viên dự giờ các bạn đồng nghiệp để học tập về cách vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt và phát huy tính chủ động, tích cực của trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ văn bản triển khai nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh và tình hình thực tế địa phương, nhà trường và trên cơ sở xác định nhiệm vụ riêng của từng năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động của nhà trường theo năm, tháng đề ra những biện pháp chỉ đạo việc thực hiện [H1-1.1-04]. 02 phó hiệu trưởng cụ thể hóa kế hoạch năm học của trường để xây dựng kế hoạch năm, tháng theo chức năng nhiệm vụ được giao [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]. Giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục các nhóm, lớp theo Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, điều kiện thực tế nhà trường và địa phương theo từng lứa tuổi [H1-1.8-01].

b) Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ của nhà trường, cán bộ quản lý chỉ đạo 100% giáo viên các nhóm, lớp thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục trên phần mềm Mindjet-Mind Manager và Gokids theo năm, tháng, ngày của từng lứa tuổi và tổ chức các hoạt động trong ngày đảm bảo các mục tiêu, nội dung của Chương trình giáo dục mầm non nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường và các nhóm, lớp được phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu

quả trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-01].

Mức 2:

02 phó hiệu trưởng phối hợp với các tổ trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục theo chế độ sinh hoạt trong ngày phù hợp với trẻ ở từng lứa tuổi [H1-1.8-01]. Hằng tháng, ban kiểm tra nội bộ của nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua việc dự giờ giáo viên, nhân viên [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.8-02]. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh đánh giá thực hiện tốt, cụ thể như: năm học 2022-2023 có 01 giáo viên đạt giải II Hội thi giáo viên dạy giỏi Chu Văn An, 03 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quận, 01 giáo viên đạt cấp Thành phố. Năm học 2023-2024 có 05 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quận [H1-1.2-02]. Tuy nhiên, 04/25 giáo viên (tỷ lệ 16%) chưa điều chỉnh kế hoạch kịp thời theo góp ý của phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục [H1-1.4-06]; [H1-1.7-08]; [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục được giáo viên xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non, thực hiện đầy đủ các hoạt động, chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ và thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm vào cuối ngày, cuối tháng.

3. Điểm yếu

04/25 giáo viên (tỷ lệ 16%) chưa điều chỉnh kế hoạch kịp thời theo góp ý của phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với từng độ tuổi. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn, bồi dưỡng, gợi ý các hình thức, tạo điều kiện nhằm giúp giáo viên có thời gian điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho kịp thời và đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

b) *Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

c) *Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ, hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, liên quan đến quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức đúng theo quy định tại Thông tư 11/2020/TT- BGDDT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập [H1-1.9-01].

b) Các hoạt động của nhà trường được thực hiện minh bạch, công khai đúng theo các quy chế, nội quy đã được bàn bạc, thảo luận và thống nhất. Các kiến nghị của giáo viên, nhân viên về nội quy đơn vị, quy chế chi tiêu nội bộ được cán bộ quản lý trả lời và giải quyết kịp thời tại Hội nghị công chức, viên chức và người lao động hằng năm và các buổi họp hội đồng nhà trường. Trong 05 năm qua, trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức họp mỗi tháng 01 lần để kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện kế hoạch [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ các thành viên trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả: công khai chế độ lương thưởng; công khai tiêu chuẩn bình chọn được tuyên dương, khen thưởng; kết quả đánh giá bình xét thi đua. Hội đồng thi đua khen thưởng lắng nghe và điều chỉnh theo nhận xét, góp ý của tập thể. Tuy nhiên, còn 03 giáo viên, 04 nhân viên chưa mạnh dạn thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế nên chưa có sự đổi mới nhằm đạt hiệu quả cao [H1-1.2-01]; [H1-1.9-01].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động của nhà trường được thực hiện minh bạch, công khai đúng theo các quy chế, quy định, nội quy đã được bàn bạc, thảo luận và thống nhất. Trường không có trường hợp khiếu nại, tố cáo nào xảy ra trong đơn vị.

3. Điểm yếu

03 giáo viên, 04 nhân viên chưa mạnh dạn thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế nên chưa có sự đổi mới nhằm đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Học kỳ I năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo, thực hiện quy chế dân chủ trong trường học, thường xuyên lắng nghe tiếp thu ý kiến của đồng nghiệp. Xây dựng khối đoàn kết nhất trí cao từ cán bộ quản lý đến từng giáo viên, nhân viên đảm bảo dân chủ, công bằng trong nhà trường. Tạo điều kiện, khuyến khích giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ

nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Công an Phường 11 trong việc xây dựng kế hoạch phương án đảm bảo an ninh trật tự trong trường học; và triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Định kỳ báo cáo đánh giá công tác đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.10-01]. Để thực hiện tốt công tác đảm bảo sức khỏe cho trẻ và đội ngũ trong trường học, trường có thực hiện các loại hồ sơ: Vệ sinh an toàn thực phẩm [H 1-1.10-02]; An toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; An toàn phòng, chống cháy, nổ theo quy định [H1-1.10-04]; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; An toàn phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; Kế hoạch hoạt động y tế học đường để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu của trẻ [H1-1.10-08]. Có tổ chức bếp ăn cho trẻ và tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý đặt trước cổng trường, có đường dây nóng qua số điện thoại của hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng và có lịch tiếp dân dán ở trước cửa văn phòng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, cha mẹ trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.10-09]. Nhà trường có xây dựng kế hoạch, phương án an toàn trường học phối hợp với công an địa phương trong việc giữ gìn trật tự an ninh trong nhà trường [H1-1.10-01]; phối hợp với phòng cháy chữa cháy quận Bình Thạnh tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trường [H1-1.10-04].

c) Nhà trường luôn quán triệt các văn bản đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngay từ đầu năm học, nhất là Điều lệ trường mầm non, quyết định số 16/BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 quy định về đạo đức nhà giáo và các công văn chỉ đạo của các cấp về bạo lực học đường; đảm bảo an ninh trật tự, thông qua các nội quy, quy chế. Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện, tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường [H1-1.1-07].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường liên hệ các ban ngành tổ chức, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ về thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; An toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; Tổ chức tập huấn, diễn tập việc thực hiện phương án đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04]; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; An toàn phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường theo đúng qui định [H1-1.10-07]. Tuy nhiên, trường chưa có phương án phòng chống các tệ nạn xã hội.

b) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục của giáo viên tại lớp học nhằm phát hiện và kịp thời ngăn chặn các hành vi bạo lực học đường, cũng như theo dõi tình hình an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.8-02]. Bên cạnh đó luôn tuyên

truyền đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ tự giác không tham gia bình luận trên các trang mạng không chính thống của nhà nước và địa phương nhằm góp phần bảo đảm an ninh trật tự [H1-1.2-04]; [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các phương án đảm bảo an toàn, an ninh trật tự; phối hợp với các ban ngành đoàn thể tại địa phương đảm bảo tốt an ninh trật tự, an toàn trường học tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong 05 năm trở lại đây, trường không có xảy ra trường hợp kỳ thị, vi phạm về bình đẳng giới và bạo lực học đường trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phương án phòng chống các tệ nạn xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; bếp ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng có kế hoạch xây dựng phương án phòng chống các tệ nạn xã hội trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2019-2025 của trường Mầm non 11B bám sát mục tiêu chung của bậc học mầm non và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận phê duyệt. Định kỳ hằng năm thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh và công bố niêm yết công khai trong toàn trường.

Nhà trường có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non

và đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và hoạt động có hiệu quả, được rà soát, đánh giá trong từng năm học.

Trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non; thực hiện quản lý, tổ chức các hoạt động của nhà trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận.

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

Nhà trường quản lý tốt hành chính, tài chính-tài sản theo quy định.

Định kỳ hằng năm thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh và công bố niêm yết công khai trong toàn trường.

Kế hoạch giáo dục đã được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non, thực hiện đầy đủ các hoạt động, chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ và thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm vào cuối ngày, cuối tháng.

Các hoạt động của nhà trường được thực hiện minh bạch, công khai đúng theo các quy chế, quy định, nội quy đã được bàn bạc, thảo luận và thống nhất nên không có trường hợp khiếu nại, tố cáo nào xảy ra trong đơn vị.

Nhà trường có đầy đủ các phương án đảm bảo an toàn, an ninh trật tự; phối hợp với các ban ngành đoàn thể tại địa phương đảm bảo tốt an ninh trật tự, an toàn trường học tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong 05 năm trở lại đây trường không có xảy ra trường hợp kỳ thị, vi phạm về bình đẳng giới và bạo lực học đường trong nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Nhân sự Ban chấp hành Chi đoàn mới đảm nhiệm công tác được 01 năm do đó chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động.

Số trẻ các nhóm nhà trẻ, chưa đủ theo qui định điều lệ trường mầm non.

03/25 giáo viên tỷ lệ 12% khi tổ chức hoạt động học, vui chơi chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

Trường chưa xây dựng kế hoạch dài hạn để tạo ra nguồn quỹ bổ sung thu nhập cho đối tượng 111.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Cán bộ quản lý đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có năng lực về quản lý, chuyên môn; năng động trong tổ chức, điều hành công việc, đoàn kết, thống nhất, phân công, phân nhiệm rõ ràng để cùng phối hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có tinh thần trách nhiệm cao, được đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, trường Mầm non 11B đã từng bước có những đổi mới trong công tác đáp ứng tốt những yêu cầu mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và của ngành nói chung.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng có nghiệp vụ quản lý giáo dục công tác trong ngành từ

năm 1997 đến nay (27 năm); phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục công tác từ năm 1990 đến nay (34 năm); phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng công tác từ năm 1997 đến nay (27 năm). Hiệu trưởng có bằng thạc sĩ quản lý giáo dục và hai phó hiệu trưởng đã tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non. Cán bộ quản lý có chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường, có đủ sức khỏe và được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức Khá trở lên [H2-2.1-01], cụ thể:

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Hiệu trưởng	Khá	Khá	Tốt	Tốt	Tốt
Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Khá	Khá	Tốt	Tốt	Tốt
Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá

c) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý như: phần mềm quản lý trường, cổng thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, Gokids, phần mềm bán trú, nghiệp vụ quản lý ngạch chuyên viên, kiến thức quốc phòng-an ninh [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, cán bộ quản lý được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ mức khá trở

lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị hệ theo quy định, học Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng do Quận ủy quận Bình Thạnh và Đảng ủy Phường 11 tổ chức [H1-1.7-01]. 100% cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường, được đồng nghiệp và cha mẹ trẻ trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01]. Tuy nhiên, phó hiệu trưởng chưa tham gia đa dạng các lớp bồi dưỡng để phát huy tốt nhất năng lực quản lý.

Mức 3:

Trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có 03 năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục đạt chuẩn ở mức tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng có năng lực chuyên môn được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, lãnh đạo, chính quyền và phụ huynh tín nhiệm. Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục lớn tuổi nên việc cập nhật ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm và việc vận dụng chưa linh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng luôn giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực quản lý tốt để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm. Hiệu trưởng tạo điều kiện cho phó hiệu trưởng tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khi quận tổ chức.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Năm học 2024-2025, nhà trường có 25 giáo viên được bố trí vào 12 nhóm, lớp, đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, qui định về số lượng người làm việc trong các cơ sở công lập [H1-1.4-04].

b) Có 25/25 giáo viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn. Trong đó có 20/25 giáo viên (tỷ lệ 80%) đạt trên chuẩn [H1-1.4-04]; [H2-2.2-01].

c) Giáo viên của trường nghiêm túc thực hiện theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong những năm qua, 100% giáo viên được xếp loại từ đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-08].

Năm học	Số giáo viên	Kết quả xếp loại		
		Đạt	Khá	Tốt
Chu kỳ năm học 2019-2020 và 2020-2021	26	01/26 tỷ lệ 38,5%	22/26 tỷ lệ 84,6%	03/26 tỷ lệ 11,5%
Chu kỳ năm học 2021-2022 và 2022-2023	26	14/26 tỷ lệ 53,8%	12/26 tỷ lệ 66,8 %	00/26 tỷ lệ 00%
Năm học 2023-2024	25	04/25 tỷ lệ 16%	16/25 tỷ lệ 64%	5/25 tỷ lệ 20%

Mức 2:

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn được duy trì ổn định [H1-1.4-04]; [H2-2.2-01].

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Trên đại học	00/29 tỷ lệ 0%	00/26 tỷ lệ 0%	00/32 tỷ lệ 0%	00/26 tỷ lệ 0%	2/25 tỷ lệ 8%	
Đại học	26/29 tỷ lệ 89,6%	20/26 tỷ lệ 76,9%	25/32 tỷ lệ 78,1%	20/26 tỷ lệ 76,9%	18/25 tỷ lệ 72%	
Cao	02/29	03/26	05/32	05/26	5/25	

đẳng	tỷ lệ 6,9%	tỷ lệ 11,5%	tỷ lệ 15,6%	tỷ lệ 19,2%	tỷ lệ 20%	
Trung cấp	01/29 tỷ lệ 3,4%	03/26 tỷ lệ 11,5%	02/32 tỷ lệ 6,2%	01/26 tỷ lệ 3,8%	00/25 tỷ lệ 0%	

b) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường có 25/25 giáo viên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên theo qui định [H1-1.4-08].

c) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo [H1-1.1-07].

Mức 3:

a) Năm học 2023-2024, trường có 25/25 giáo viên: trình độ trên đại học 02/25 giáo viên (tỷ lệ 8%). Đại học sư phạm mầm non: 18/25 giáo viên (tỷ lệ 72%). Tuy nhiên, còn 05/25 giáo viên (tỷ lệ 20%) đạt trình độ cao đẳng sư phạm mầm non [H1-1.4-04]; [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. Năm học 2023-2024, có 05/25 giáo viên (tỷ lệ 20%) đạt mức tốt, 16/25 giáo viên (tỷ lệ 64%) đạt mức khá, 04/25 giáo viên (tỷ lệ 16%) đạt mức đạt, không có giáo viên chưa đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-08]. Tuy nhiên, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chưa đạt 80%.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, được đánh giá, xếp loại đạt trở lên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chưa đạt 80%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 9 năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục phân công đủ số giáo viên ở các nhóm, lớp theo quy định và thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hằng năm. Hiệu trưởng vận động các giáo viên trình độ cao

đăng tham gia lớp đại học để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn về vị trí, việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập: 01 kế toán, 01 văn thư kiêm thủ quỹ, 02 bảo vệ, 04 nhân viên nấu ăn, 02 phục vụ [H1-1.4-04].

b) Nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-04]; [H2-2.3-01].

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao: Kế toán hoàn thành hồ sơ, sổ sách, chứng từ; văn thư thực hiện tốt công tác lưu trữ, công văn đi và đến; nhân viên y tế thực hiện bản truyền thông, xử lý kịp thời các tình huống liên quan đến sức khỏe cô và trẻ; nhân viên nấu ăn đảm bảo vệ sinh an

toàn thực phẩm, thực hiện quy trình bếp một chiều; bảo mẫu đảm bảo vệ sinh môi trường; bảo vệ đảm bảo ca trực, giữ gìn an ninh trật tự cho mọi hoạt động của nhà trường, không để xảy ra thiệt hại về tài sản trong trường [H1-1.4-09].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn về vị trí, việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập: 01 kế toán, 01 văn thư kiêm thủ quỹ, 02 bảo vệ, 04 nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên phục vụ [H1-1.4-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023 -2024), nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.4-09].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: nhân viên kế toán có trình độ Đại học kinh tế chuyên ngành Tài chính-Kế toán; nhân viên y tế có trình độ Trung cấp y sĩ; nhân viên nấu ăn có trình độ 01 trung cấp, 03 sơ cấp và 02 nhân viên bảo vệ đã qua lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.4-04]; [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng, tham gia các lớp tập huấn kiến thức xây dựng thực đơn, thao tác chế biến món ăn, tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm; nhân viên kế toán kiêm văn thư, y tế tập huấn các phần mềm Ismart, phần mềm quản lý tài sản, các chương trình thu phí trực tuyến. Tuy nhiên, nhân viên nấu ăn còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin để tính khẩu phần dinh dưỡng bằng phần mềm [H1-1.1-07]; [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ trường mầm non và theo sự phân công của hiệu trưởng, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận theo thời gian quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên nấu ăn còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin để tính khẩu phần dinh dưỡng bằng phần mềm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Học kỳ I năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục duy trì bố trí sử dụng các nhân viên theo quy định; tạo mọi điều kiện thuận lợi để từng thành viên phát huy tốt năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phân công phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng hướng dẫn nhân viên nấu ăn biết sử dụng phần mềm để tính khẩu phần dinh dưỡng hằng ngày cho trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường đáp ứng các yêu cầu của Điều lệ trường mầm non về phẩm chất đạo đức, thời gian công tác, trình độ, năng lực nghiệp vụ quản lý để tổ chức triển khai tốt các hoạt động của trường.

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định 25/25 giáo viên, được đánh giá, xếp loại đạt trở lên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ trường mầm non và theo sự phân công của hiệu trưởng, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận theo thời gian quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Phó hiệu trưởng chưa tham gia đa dạng các lớp bồi dưỡng để phát huy tốt nhất năng lực quản lý.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chưa đạt 80%.

Nhân viên nấu ăn còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin để tính khẩu phần dinh dưỡng bằng phần mềm.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi cho trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì vậy, song song với việc nâng cao chất lượng đội ngũ, trường Mầm non 11B đã từng bước bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 11B có 03 cơ sở với tổng diện tích đất là 2.666,9m² và diện tích sử dụng 3.258,6m², số trẻ 262, diện tích đất sử dụng bình quân 12,4m² cho 01 trẻ, đảm bảo quy định theo Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Các điểm trường đều có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường rào được xây dựng kiên cố bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện, trang trí đẹp và an toàn cho trẻ em [H3-3.1-02].

c) Sân chơi của trường có diện tích 985m², được thiết kế các khu vực hoạt động ngoài trời phù hợp với trẻ mầm non. Sân trường có cây cảnh, cây bóng mát, cây hoa gần gũi với trẻ, có khu vực cho trẻ chơi vận động được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, đảm bảo an toàn và tất cả trẻ được tiếp cận sử dụng. Cây xanh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên, tạo bóng mát cho trẻ vui chơi, học tập. Hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp có diện tích 500m². Hiên chơi trên lầu có tường kín, lan can bao quanh cao 1,5m, đầu các cầu thang đều có cửa và cài chốt an toàn [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích sàn xây dựng công trình là 3.258,6m² chiếm 30% và diện tích sân vườn 985m² chiếm 50% tổng diện tích đất đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được nhân viên chăm sóc, cắt tỉa; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012, ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: đồ chơi liên hoàn, thang leo, thang thẳng bằng, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Hiên chơi có diện tích 500m^2 , có lan can đúng theo quy định. Khu vực trẻ chơi được lát gạch, khu vực vận động được trải thảm cỏ, lót mouse. Tất cả các loại đồ chơi đều được làm bằng nhựa composite, thường xuyên vệ sinh sạch sẽ [H3-3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường có các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung các đồ chơi ngoài danh mục như: bowling, cà kheo, đi ván đôi. Tuy nhiên, đồ chơi ngoài trời chưa đa dạng, phong phú [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được xây dựng kiên cố; có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; sân chơi thoáng mát, có cây xanh được chăm sóc thường xuyên phù hợp cho trẻ vận động ngoài trời phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và đảm bảo an toàn cho trẻ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Đồ chơi ngoài trời chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng cân đối kinh phí để trang bị một số đồ chơi ngoài trời. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn giáo viên nghiên cứu làm thêm đồ chơi vận động ngoài sân cho trẻ như: ô ăn quan, nhảy lò cò, đồ chơi đâm béc, cổng chui, khung đá bóng... và một số đồ chơi khám phá thử nghiệm, đồ chơi phản ánh sinh hoạt tại hiên chơi của từng nhóm, lớp cho phong phú, đa dạng, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 16 phòng học cho các nhóm, lớp trong đó: 12/12 phòng bố trí cho nhóm, lớp theo kế hoạch tuyển sinh. Trường còn 4 phòng không sử dụng có đầy đủ trang thiết bị của lớp học [H3-3.1-01].

b) Phòng ngủ của trẻ dùng chung với phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân $1,5\text{m}^2/\text{trẻ}$, không gian yên tĩnh, thoáng mát, nền nhà lót sàn gỗ ở các nhóm nhà trẻ, có đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ như nệm, gối, đảm bảo an toàn cho trẻ và giúp trẻ ngủ đủ giấc. Ngoài ra, trường có đầy đủ các phòng chức năng: phòng giáo dục thể chất diện tích 60m^2 , phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 60m^2 , đảm bảo đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

c) Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi [H1-1.4-07]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ được sử dụng chung, phòng giáo dục thể chất diện tích $60m^2$, phòng giáo dục nghệ thuật diện tích $60m^2$, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Tất cả các phòng ở nhóm, lớp và phòng chức năng đều được trang bị tủ, kệ, thùng đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H1-1.4-07]; [H3-3.2-01].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, nhịp điệu. Chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi. Phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ cho trẻ và phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, dự kiến nhà trường tuyển sinh và tuyển dụng mở thêm 02 nhóm, lớp mới và trường tham mưu Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch cải tạo và tự cân đối ngân sách tại đơn vị để bố trí 01 phòng vi tính, 01 phòng thư viện cho trẻ hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị

Mức 1:

a) *Có các loại phòng theo quy định;*

- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các loại phòng theo quy định: phòng hiệu trưởng, phòng 02 phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, văn phòng trường, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh và nơi để xe cho giáo viên, nhân viên [H3 -3.1-01].

b) Văn phòng trường, phòng cán bộ quản lý trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy chiếu, máy in, tủ hồ sơ, âm thanh phục vụ cho hội họp, sinh hoạt chuyên môn. Phòng y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ như: cân điện tử, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Nhà vệ sinh có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Phòng bảo vệ được trang bị đầy đủ bàn ghế, quạt, bình chữa cháy [H1-1.4-07]; [H3-3.3-01].

c) Khu để xe có mái che dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí phía sau sân trường, có khu riêng biệt, đảm bảo an toàn [H3-3.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ các loại phòng, đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Văn phòng trường có diện tích 75m², phòng hiệu trưởng diện tích 21m², phòng 02 phó hiệu trưởng diện tích 27m², phòng hành

chính quản trị diện tích 22m², phòng y tế diện tích 22m², phòng dành cho nhân viên có diện tích 36m². Phòng bảo vệ diện tích 9m² [H3-3.1-01].

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có mái che, thuận tiện cho việc sử dụng. Tuy nhiên, việc sắp xếp xe của đội ngũ giáo viên, nhân viên chưa gọn gàng để thuận tiện khi lấy và cất xe [H3-3.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đầy đủ các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh và khu để xe riêng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định với các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong công tác.

3. Điểm yếu

Việc sắp xếp xe của đội ngũ giáo viên, nhân viên chưa gọn gàng để thuận tiện khi lấy và cất xe.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì các loại phòng theo quy định, sử dụng tốt các phương tiện làm việc, trang bị bổ sung thiết bị văn phòng nhằm giảm cường độ làm việc cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phân công phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng hướng dẫn đội ngũ sắp xếp xe cho thuận tiện để đảm bảo việc lấy và cất xe.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố đảm bảo theo quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Trường có kho thực phẩm bố trí tại lầu 2 và được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, sắp xếp khoa học, hợp lý, nguồn thực phẩm được cung cấp từ những công ty có thương hiệu, uy tín, đủ tư cách pháp nhân, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực phẩm được sử dụng trong ngày, chỉ có sữa của trẻ được sử dụng trong tuần được lưu trữ và theo dõi tồn kho đúng quy định [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

c) Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng lưu mẫu theo quy định như: tủ lạnh, hộp đựng mẫu lưu bằng inox, nhiệt kế; thực hiện lưu mẫu thức ăn được bảo quản riêng biệt với các thực phẩm khác, nhiệt độ bảo quản mẫu thức ăn lưu từ 2°C đến 8°C theo quy định của Bộ Y tế [H3 -3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non với diện tích 200m²/262 trẻ bình quân 0,6m²/trẻ gồm khu sơ chế, xắt thái, chế biến, chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Bếp ăn có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú như: máy nước nóng, tủ sấy chén, tủ hấp cơm, các dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox, tủ nhôm kính đựng đồ dùng, các loại chén, muỗng bằng inox, khay ăn, đồ dùng tổ chức bữa ăn gia đình cho trẻ; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm; đảm bảo đủ nước sử dụng cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ; chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định đạt. Việc xử lý các chất thải được nhà trường hợp đồng đơn vị thu

gom rác đúng quy định; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H1-1.10-04]; [H3-3.1-01]; [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non thông thoáng, đủ ánh sáng. Tường, trần nhà và sàn nhà bằng phẳng, không có các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng chất liệu inox dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng, dụng cụ đựng thức ăn và đồ dùng bảo quản thực phẩm được sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không gây yếu tố độc hại. Trường có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà bông sát khuẩn; vách ngăn giữa khu vực rửa chén với thang nâng để chuyển thức ăn chín cho các lớp; phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn dư; dụng cụ đựng rác thuận tiện cho việc làm vệ sinh. Tuy nhiên, trang thiết bị máy móc trong nhà bếp chưa được trang bị đồ dùng hiện đại như máy ép nước cam, máy cắt thịt [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có dụng cụ để bảo quản thực phẩm, tủ trưng bày thức ăn, thức ăn lưu của các bữa ăn được sắp xếp trong tủ lạnh và có ký hiệu riêng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Có vách ngăn giữa khu vực rửa chén với thang nâng để chuyển thức ăn chín cho các các lớp.

3. Điểm yếu

Trang thiết bị máy móc hiện đại trong nhà bếp tại trường chưa được trang bị đồ dùng hiện đại như máy ép nước cam, máy cắt thịt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Học kỳ I năm học 2024-2025, hiệu trưởng lên kế hoạch và cân đối kinh phí trong quỹ thiết bị, đồ dùng bán trú để trang bị máy móc hiện đại trong nhà bếp để phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) *Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*
- b) *Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*
- c) *Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

- a) *Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*
- b) *Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
- c) *Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non [H1-1.4-07].

b) Nhà trường có trang bị các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục cho các lớp. Giáo viên có sử dụng các nguyên vật liệu mở để làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động học tập, vui chơi của trẻ trên nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với từng lứa tuổi, nhằm phát huy tính sáng tạo ở trẻ [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản các nhóm, lớp, từ đó xây dựng kế hoạch và kịp thời tiến hành sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phù hợp với kinh phí của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động [H1-1.4-07]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy và học như: mạng nội bộ, cổng thông tin điện tử, phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng, phần mềm công nghệ thông tin IMAS trong quản lý tài chính, quản lý nhân sự, phần mềm kế hoạch giáo viên [H1-1.1-02]; [H1-1.6-06]; [H1-1.8-01]; [H3-3.5-02].

b) Nhà trường trang bị đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non: bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ ở các nhóm, lớp. Các lớp có tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu, hệ thống đèn, quạt và máy lạnh [H1-1.4-07]; [H1-1.6-03].

c) Hằng năm, nhà trường bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN- BGDDT ngày 24 tháng 01 năm 2017. Các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm phù hợp với các lứa tuổi và mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường cụ thể qua việc giáo viên hướng dẫn cho trẻ chơi ở mọi lúc mọi nơi trong giờ học, giờ chơi, giờ sinh hoạt của trẻ; giáo viên giáo dục trẻ biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, tổ chức cho trẻ lau rửa đồ chơi hằng tuần, sắp xếp gọn gàng đồ chơi lên kệ sau khi chơi xong. Tuy nhiên, chất liệu làm đồ dùng, đồ chơi chưa được bền, dễ hư hỏng [H3-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp theo

theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 và sử dụng có hiệu quả trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Chất liệu làm đồ dùng, đồ chơi chưa được bền, dễ hư hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục đầu tư trang bị đồ dùng, đồ chơi theo quy định để đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục hướng dẫn giáo viên làm đồ chơi sáng tạo phong phú, đa dạng bằng các loại nguyên vật liệu mở và chú ý đến độ bền để phục vụ tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) *Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

b) *Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

c) *Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

a) *Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

b) *Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khô ráo, thoáng mát đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận lợi cho việc sử dụng. Trường không có trẻ khuyết tật [H3-3.1-01]; [H3-3.6-01].

b) Hệ thống thoát nước, cống rãnh luôn thông thoáng đảm bảo vệ sinh

môi trường; nguồn nước uống, nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ đảm bảo đủ, an toàn khi sử dụng [H3-3.4-04].

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ để chứa đựng và phân loại rác; các dụng cụ này thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử khuẩn được đơn vị vệ sinh môi trường thu gom rác hằng ngày đảm bảo không gây ô nhiễm [H3-3.4-05].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh cho trẻ, phòng vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Phòng vệ sinh cho trẻ có diện tích $191\text{m}^2/262$ trẻ, đạt tỷ lệ $0,7\text{m}^2/\text{trẻ}$; đối với trẻ mẫu giáo có chỗ riêng cho trẻ trai, trẻ gái. Phòng vệ sinh có các thiết bị như: vòi nước rửa tay; có bồn tiêu, bồn cầu. Trường có phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: nhà trường sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước Gia Định đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt. Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt hằng ngày không để rác thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh của trẻ chưa gọn gàng [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05];[H3-3.6-01].

2. Điểm mạnh

Khu vực vệ sinh cho trẻ có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hằng ngày không gây ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh của trẻ chưa gọn gàng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Học kỳ I năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra giáo viên định kỳ hàng tuần việc sắp xếp đồ dùng dụng cụ trong phòng vệ sinh của trẻ đảm bảo gọn gàng, an toàn, hợp lý.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường được xây dựng kiên cố; có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; số phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi. Bếp ăn được tổ chức theo dây chuyền một chiều, thức ăn được lưu hằng ngày. Các lớp có đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Xử lý rác thải hằng ngày, không gây ô nhiễm môi trường.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học.

Việc sắp xếp xe của đội ngũ giáo viên, nhân viên chưa gọn gàng để thuận tiện khi lấy và cất xe.

Chất liệu làm đồ dùng, đồ chơi chưa được bền, dễ hư hỏng

Việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh của trẻ chưa gọn gàng

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường Mầm non 11B duy trì và phát huy tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn nhiệt tình, năng nổ, hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây

dựng cơ sở vật chất ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) *Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) *Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) *Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo quy định [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động và tạo mọi điều kiện để trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập, vui chơi, rèn luyện trong một môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện nhằm hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ. Qua đó tăng cường mối quan hệ giữa cha mẹ trẻ với giáo viên và nhà trường [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ: Tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và họp toàn thể cha mẹ trẻ 03 lần/năm vào đầu năm học, học kỳ I và cuối năm học thống nhất kế hoạch, nội dung phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường có các biện pháp hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ thông qua các buổi họp cha mẹ trẻ của trường [H4-4.1-02].

Mức 3:

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường và xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh em do thường xuyên công tác xa nên đôi lúc phối hợp với nhà trường chưa kịp thời [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh em do thường xuyên công tác xa nên đôi lúc phối hợp với nhà trường chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục phát huy hiệu quả các biện pháp tổ chức hoạt động tuyên truyền thu hút tối đa sự hợp tác, ủng hộ của cha mẹ trẻ góp phần cùng nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Ban đại diện cha mẹ học sinh chủ động phối hợp với nhà trường, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động và gửi thư mời đến để cha mẹ trẻ, sắp xếp thời gian cùng tham gia một số phong trào với nhà trường.

Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế

hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương Phường 11 gồm các nội dung như: xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục từng năm học; công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; hỗ trợ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]; [H1-1.10- 01]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: thông qua các cuộc họp của cha mẹ trẻ tại lớp, bảng tuyên truyền của trường, lớp, sổ bé ngoan, sổ liên lạc hằng tháng, trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ trẻ ở giờ đón, trả trẻ [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Trường nhận được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức, đoàn thể, cá

nhân ở địa phương trong công tác xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ [H1-1.1-07]; [H4-4.1-01].

Mức 2:

a) Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế của trường, hằng năm, hiệu trưởng chủ động trực tiếp tham mưu với Ủy ban nhân dân Phường 11, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch xây dựng đơn vị có đời sống văn hóa tốt [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04]; [H4-4.2-02].

b) Cán bộ quản lý phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và cha mẹ trẻ để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với điều kiện của trường và truyền thống của địa phương như: ngày hội “Bé vui đến trường”, “Vui hội trăng rằm”, “Lễ hội nhớ ơn thầy cô”, “Bé vui Noel”, “Tết và mùa xuân”, “Lễ ra trường trẻ 5 tuổi và tổng kết phát thưởng” [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục. Tuy nhiên, chưa có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội theo kế hoạch.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể xây

dựng kế hoạch để từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động đúng theo Điều lệ. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Ban đại diện cha mẹ học sinh do thường xuyên công tác xa nên đôi lúc phối hợp với nhà trường chưa kịp thời

Nhà trường chưa có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng được nhà trường đặt lên mục tiêu hàng đầu. Đội ngũ giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp dạy học, đa dạng các hình thức tổ chức giúp trẻ phát triển toàn diện ở các lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội. Môi trường hoạt động giáo dục phù hợp, kích thích trẻ tham gia tìm tòi khám phá, bộc lộ khả năng cá nhân.

Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Chế độ dinh dưỡng đảm bảo theo quy định, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, riêng khối Lá có sử dụng thêm Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi trong việc lập kế hoạch. Kế hoạch được triển khai đến toàn thể các tổ chuyên môn và giáo viên trong buổi họp chuyên môn đầu năm để thực hiện. Giáo viên lập kế hoạch theo phần mềm Gokids phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.7-08]; [H1-1.8-01].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục

và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh. Kế hoạch giáo dục có mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính khoa học theo nguyên tắc đi từ dễ đến khó, tính liên thông giữa các độ tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non quy định. Hằng ngày, giáo viên tổ chức các hoạt động học, vui chơi, vệ sinh, ăn, ngủ giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ theo đúng kế hoạch đã đề ra [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.8-01].

c) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua kiểm tra kế hoạch giáo viên, qua các tiết dự giờ đột xuất và báo trước để đánh giá rút kinh nghiệm nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời. Hằng tháng, qua các buổi họp chuyên môn, đánh giá, rút kinh nghiệm để có kế hoạch bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ để đạt mục tiêu giáo dục theo từng lứa tuổi [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.7-08].

Mức 2:

a) Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục bồi dưỡng hướng dẫn giáo viên tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi và đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

b) Hằng năm, cán bộ quản lý bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.7-08].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Tuy nhiên, nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới khi tổ chức các hoạt động cho trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.7-08].

b) Hằng năm, cán bộ quản lý có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp chuyên môn [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương nhằm giúp giáo viên thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới khi tổ chức các hoạt động cho trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Tham khảo thêm chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Hiệu trưởng phân công 02 phó hiệu trưởng có biện pháp để hướng dẫn giáo viên biết vận dụng linh hoạt chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới khi tổ chức các hoạt động cho trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) *Đội ngũ giáo viên dựa vào nội dung Chương trình giáo dục mầm non, mục tiêu cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi để thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trong ngày cho trẻ [H1-1.8-01].*

b) *Giáo viên tổ chức, xây dựng môi trường giáo dục gần gũi, tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm từ đó giúp trẻ phát huy khả năng cá nhân, có cơ hội được tương tác với đồ dùng đồ chơi, với mọi người xung quanh. Trẻ mẫu giáo được tham gia tạo môi trường giáo dục từ sản phẩm của trẻ như treo tranh ảnh, sản phẩm do trẻ tự làm theo chủ đề; sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng, ngăn nắp, môi trường giáo dục được thay đổi thường xuyên theo hướng lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, vui chơi, học tập [H5-5.2-01].*

c) *Các hoạt động giáo dục của trường được tổ chức bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: qua giờ học, hoạt động vui chơi trong lớp, hoạt động ngoài trời, lao động chăm sóc vườn cây, hoạt động khám phá thử nghiệm, triển lãm tranh đẹp của bé, hoạt động tham quan,*

văn nghệ, hoạt động lễ hội và các hội thi [H4-4.2-03]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

Giáo viên xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm để tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế. Qua các hoạt động trong ngày, giáo viên đã tận dụng hiệu quả các giáo cụ trực quan sinh động xung quanh lớp học tạo nhiều cơ hội cho trẻ tiếp thu kiến thức một cách hứng thú, tự nhiên, tích cực và hào hứng. Tuy nhiên, tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm của nhóm 13-18 tháng chưa được phong phú [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.7-08].

Mức 3:

Nhà trường luôn khuyến khích giáo viên thường xuyên đổi mới, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” như: tạo môi trường học tập hợp lý, thân thiện đối với trẻ, các khu vực chơi được sắp xếp phù hợp, đa dạng đồ dùng đồ chơi, nguyên vật liệu, đảm bảo an toàn, tạo cho trẻ cơ hội trao đổi, chia sẻ ý kiến, giúp đỡ lẫn nhau nhằm giúp trẻ phát triển và đạt được mục tiêu giáo dục theo từng lứa tuổi [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức tốt môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo hướng tạo điều kiện cho trẻ vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ.

3. Điểm yếu

Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm của nhóm 13-18 tháng chưa được phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, cán bộ quản lý tiếp tục bồi dưỡng, duy trì và phát huy nhiều hơn nữa các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, tạo cơ

hội cho giáo viên dự giờ học tập từ các bạn đồng nghiệp nhằm có thêm kinh nghiệm trong việc lựa chọn và vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục thường xuyên theo dõi, thăm lớp, dự giờ hằng tháng nhằm nhắc nhở, điều chỉnh giáo viên nhóm 13-18 tháng chú trọng thay đổi môi trường giáo dục, tạo nhiều cơ hội cho trẻ khám phá, trải nghiệm, giải quyết vấn đề dựa trên khả năng của trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

- a) *Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*
- b) *100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*
- c) *Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

- a) *Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*
- b) *Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*
- c) *100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch phối hợp với Trung tâm Y tế quận Bình Thạnh và Trạm Y tế Phường 11 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ 01 lần trong 01 năm học kết quả: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, uống vacxin và thực hiện lịch tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế [H5-5.3-01].

b) Hằng năm, 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe định kỳ, theo dõi chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng qua biểu đồ tăng trưởng đúng quy định [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng qua việc bổ sung các loại thực phẩm giàu đạm như: sữa, phô mai, yaourt. Đối với trẻ thừa cân-béo phì ngoài chế độ ăn giảm chất bột, tăng cường cho trẻ ăn thêm rau luộc, 100% trẻ thừa cân béo phì được giáo viên tổ chức vận động qua các trò chơi, bài tập sau giờ thể dục sáng. Giáo viên phối hợp với cha mẹ trẻ để tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì thông qua bản tin lớp, trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho trẻ khi ở nhà nhằm đảm bảo sức khỏe. Tình trạng của trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì có cải thiện so với đầu năm học [H4-4.1-02]; [H5-5.3-02]:

Năm học	Số trẻ suy dinh dưỡng			Số trẻ dư cân, béo phì		
	Đầu vào/ Tổng số trẻ	Phục hồi	Tỷ lệ	Đầu vào	Phục hồi	Tỷ lệ
2019-2020	06/280	06/06	100%	28/280	16/28	57.1%
2020-2021	13/303	13/13	100%	49/303	34/49	69.3%
2021-2022	06/214	06/06	100%	25/214	15/25	60.0%
2022-2023	12/296	12/12	100%	35/300	32/35	91.4%
2023-2024	00/294	0/0	0%	23/294	13/23	56,5%

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường đều tổ chức những buổi thảo luận, tuyên truyền cho gia đình trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. Cán bộ y tế trường học tuyên truyền cho các giáo viên, nhân viên

về chế độ dinh dưỡng cho trẻ và các bệnh phổ biến. Phối hợp với chuyên viên của Thành phố về tổ chức nói chuyện chuyên đề: phòng bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết và công tác phòng, chống dịch [H5-5.3-03].

b) Chế độ ăn của trẻ được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ - BGDDT ngày 14 tháng 03 năm 2017 (Điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT); món ăn đa dạng, thức ăn được thay đổi theo mùa nhằm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ phát triển [H3-3.4-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp: đối với trẻ suy dinh dưỡng, bổ sung sữa, phô mai, bánh flan, tăng cường chất bột, béo vào khẩu phần ăn của trẻ [H3-3.4-02]; đối với trẻ thừa cân béo phì tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi vận động sau giờ thể dục sáng; tăng cường vận động cho trẻ [H5-5.3-04]; có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ thừa cân-béo phì như giảm chất bột, tăng cường cho trẻ ăn thêm rau luộc vào các bữa ăn của trẻ, tăng cường vận động [H3-3.4- 02]; phối hợp với cha mẹ trẻ để tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cho trẻ thông qua bản tin lớp, trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho trẻ khi ở nhà nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ [H4-4.1-02]. Tuy nhiên, tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì giảm chưa cao [H5-5.3-02].

Mức 3:

Năm học 2023-2024, số lượng trẻ khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường 284/294 trẻ đạt tỷ lệ 96,6% [H5-5.3-02].

Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
268/280	288/303	204/214	293/300	284/294
tỷ lệ	tỷ lệ	tỷ lệ	tỷ lệ	tỷ lệ
95,7%	95,5%	95,3%	97,6%	96,6%

2. Điểm mạnh

Đảm bảo 100% trẻ được chăm sóc sức khỏe tốt, chế độ ăn cân đối hợp lý, có bổ sung thêm dinh dưỡng và luyện tập hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

3. Điểm yếu

Tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì giảm chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, cán bộ quản lý phối hợp với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. Thực hiện tốt việc theo dõi trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tăng cường các hoạt động vận động cho trẻ thừa cân, béo phì, tuyên truyền với cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường về chế độ ăn và vận động tại nhà để góp phần giảm tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

b) *Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

c) *Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

a) *Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

b) *Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít*

nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt tỷ lệ 90.2%. Đối với trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ trên 95% [H5-5.4-01], cụ thể:

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Tỷ lệ% chuyên cần của trẻ theo độ tuổi
Trẻ 13-18 tháng	85.1%			92.0%	90.4%	90.2%
Trẻ 19-24 tháng	85.7%	87.9%	87.5%	93.5%	92.8%	
Trẻ 25-36 tháng	84.0%	89.8%	90.5%	92.8%	90.4%	
Trẻ 3-4 tuổi	91.0%	93.0%	83.9%	93.0%	91%	
Trẻ 4-5 tuổi	90.3%	88.0%	91.0%	90.8%	91.3%	
Trẻ 5-6 tuổi	95.4%	94.1%	94.9%	94.4%	97.4%	95.1%

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt 100%

[H5-5.1-01].

c) Trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-07].

Mức 2:

a) Giáo viên phối hợp tốt với cha mẹ trẻ và quản lý trẻ hằng ngày thông qua việc: yêu cầu cha mẹ trẻ báo trước hoặc gửi đơn xin phép khi bé nghỉ học,

nếu trẻ vắng không phép, giáo viên liên hệ với cha mẹ trẻ để biết lý do trẻ nghỉ học. Trẻ đi học chuyên cần đạt cụ thể: trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt tỷ lệ 95%, trẻ mẫu giáo dưới 5 tuổi đạt tỷ lệ 90.2%. Tuy nhiên trường còn 5% trẻ mẫu giáo 5 tuổi và 9.8% trẻ dưới 5 tuổi chưa đi học đầy đủ vì trẻ còn nhỏ, sức đề kháng yếu hay bệnh nên phụ huynh cho trẻ nghỉ học ở nhà [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt 100% [H5-5.1-01].

c) Trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-07].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt 100% [H5-5.1-01].

b) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu

Trường còn 5% trẻ mẫu giáo 5 tuổi và 9.8% trẻ dưới 5 tuổi chưa đi học đầy đủ vì trẻ còn nhỏ, sức đề kháng yếu hay bệnh nên phụ huynh cho trẻ nghỉ học ở nhà.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và phòng, chống dịch bệnh, bổ sung dinh dưỡng nước trái cây nhằm bảo vệ sức khỏe và tăng cường sức đề kháng cho trẻ, đồng thời tuyên truyền, động viên cha mẹ trẻ kiên trì cùng phối hợp với nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, đưa trẻ đi học đầy đủ, nâng tỉ lệ chuyên cần của trẻ lên cao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo đúng quy định.

Thực hiện mục tiêu nội dung giáo dục phù hợp với trẻ và điều kiện của trường.

100% trẻ được chăm sóc sức khỏe tốt, chế độ ăn cân đối hợp lý.

100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới khi tổ chức các hoạt động cho trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm của nhóm 13-18 tháng chưa được phong phú.

Tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì giảm chưa cao.

Trường còn 5% trẻ mẫu giáo 5 tuổi và 9.8% trẻ dưới 5 tuổi chưa đi học đầy đủ vì trẻ còn nhỏ, sức đề kháng yếu hay bệnh nên phụ huynh cho trẻ nghỉ học ở nhà

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Đối chiếu với kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường, so sánh với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Công văn số 5942/BGDĐT - QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non; qua việc tự đánh giá trường Mầm non 11B, quận Bình Thạnh nhận thấy đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1 là: 25/25, tỷ lệ: 100%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1 là: 00/25, tỷ lệ: 00%;

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2 là: 25/25, tỷ lệ: 100%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2 là: 0/25, tỷ lệ: 00%;

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3 là: 11/19, tỷ lệ: 58%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3 là: 08/19, tỷ lệ: 42%;

- Mức đánh giá của trường Mầm non 11B: Mức 2;

Trường Mầm non 11B, quận Bình Thạnh đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Mầm non 11B, quận Bình Thạnh. Nhà trường không ngừng cải tiến công tác quản lý và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đáp ứng được niềm tin yêu tin yêu của cha mẹ trẻ. Các hoạt động giáo dục được thực hiện đều hướng đến mục đích góp phần xây dựng xã hội ngày văn minh hiện đại, đáp ứng nhu cầu thực tiễn đặt ra trong thời kỳ đổi mới và hội nhập./.

Bình Thạnh, ngày 30 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Phương Thu

PHẦN IV: PHỤ LỤC**Bảng danh mục mã minh chứng**

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Giai đoạn 2019-2025	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Cổng thông tin điện tử trường Mầm non 11B.	Năm học 2023-2024	Văn thư	Văn phòng
	3	[H1-1.1-03]	Hồ sơ tuyển sinh.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học của hiệu trưởng.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-05]	Kế hoạch năm học của phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục.	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.1-06]	Kế hoạch năm học của phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.1-07]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	8	[H1-1.1-08]	Hồ sơ Hội đồng trường.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 Nhiệm kỳ 2020-2025	Hiệu trưởng Chủ tịch ủy ban Nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ thi đua, khen thưởng.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng xét công nhận sáng kiến kinh nghiệm.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Sổ họp hội đồng sư phạm.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Chủ tịch Công đoàn	Văn phòng
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Bí thư Chi đoàn	Văn phòng
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ khuyến học.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Chi hội khuyến học	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Hội chữ thập đỏ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ cá nhân hiệu trưởng.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ cá nhân phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ cá nhân phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ quản lý nhân sự.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ tổ chức.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ tổ chuyên môn: Nghị quyết, biên bản họp tổ chuyên môn.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.4-07]	Sổ tài sản trường (phòng cán bộ quản lý, y tế, bảo vệ), lớp. Danh mục đồ dùng đồ chơi ngoài trời, trong lớp.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Phòng phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.4-08]	Hồ sơ Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ đánh giá xếp loại viên chức và người lao động.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	10	[H1-1.4-10]	Biên bản họp tổ văn phòng.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Tổ trưởng tổ văn phòng	Văn phòng
	11	[H1-1.4-11]	Kế hoạch, biên bản thực hiện chuyên đề.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.5-02]	Sổ điểm danh.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Kế toán	Văn phòng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ lưu công văn đi-đến.	Năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	Văn phòng
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý tài chính, tài sản.	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Văn phòng
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ mua sắm cơ sở vật chất.	Năm 2019 đến năm 2023	Kế toán	Văn phòng
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ thực hiện Nghị quyết 03 (nay là nghị quyết 08)	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.6-06]	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường:	Năm 2019 đến năm 2023	Phó hiệu trưởng, kế toán	Văn phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.7			IMAS, EPMIS, khẩu phần dinh dưỡng, cơ sở dữ liệu.			
	7	[H1-1.6-07]	Biên bản thẩm định kiểm tra tài chính.	Năm 2019 đến năm 2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Kết quả học tập chính trị hè.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Bảng lương và các khoản thu nhập khác. Chăm lo các ngày lễ tết; Khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Kế toán	Văn phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H1-1.7-04]	Hợp đồng lao động, khám sức khỏe cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Hợp đồng tham quan du lịch hè cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Kế toán	Văn phòng
	6	[H1-1.7-06]	Phiếu dự giờ hoạt động chăm sóc giáo dục.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	7	[H1-1.7-07]	Phiếu dự giờ hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.7-08]	Biên bản họp chuyên môn (nuôi,.dạy).	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	02 phó hiệu trưởng	Phòng 02 phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Quy chế dân chủ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ hội nghị công chức, viên chức và người lao động.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ tiếp công dân.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự trường học.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ vệ sinh an toàn thực phẩm.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.10-03]	Phương án phòng chống tai nạn thương tích.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng, chống cháy nổ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Phương án phòng, chống thảm họa thiên tai.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ phòng chống dịch bệnh; phòng chống ngộ độc thực phẩm.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.10-07]	Hồ sơ phòng chống các tệ nạn xã hội bạo lực học đường.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	8	[H1-1.10-08]	Hồ sơ y tế trường học.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	9	[H1-1.10-09]	Hình ảnh hộp thư góp ý, số điện thoại của cán bộ quản lý, lịch tiếp công dân.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ cá nhân giáo viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ cá nhân nhân viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường. Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường.	Năm 2013	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh khuôn viên trường, lớp, biển tên trường, sân chơi, phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, vườn cây của trẻ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh kệ, tủ (nệm gối, giỏ, dép), bàn, ghế nhóm/lớp; Trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Giáo viên

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh trang thiết bị các phòng làm việc, nhà vệ sinh trẻ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh nhà xe.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà bếp, tủ lưu mẫu thực phẩm.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.4-02]	Sổ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H3-3.4-03]	Hộp đồng thực phẩm.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H3-3.4-04]	Phiếu xét nghiệm nước.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	5	[H3-3.4-05]	Hợp đồng thu gom rác.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi tự làm.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.5-02]	Hợp đồng internet.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Kế toán	Văn phòng
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H3-3.6-02]	Hợp đồng nước uống Ion Life.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	- Hình ảnh bản tin tuyên truyền của trường, các lớp. - Hình ảnh giáo viên trao đổi với phụ huynh ở giờ đón và trả trẻ.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Văn phòng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ xây dựng đơn vị văn hoá.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh lễ hội	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	- Bộ công cụ đánh giá trẻ 5 tuổi. - Đánh giá trẻ các lứa tuổi.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh môi trường trong và ngoài lớp, góc chơi, ngoài trời.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Hợp đồng, hình ảnh trẻ tham quan.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ khám sức khỏe trẻ. Danh sách trẻ uống vacxin	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.3-02]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Hình ảnh bác sĩ khám sức khỏe cho trẻ. Tập huấn cán bộ giáo viên nhân viên.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H5-5.3-04]	Hình ảnh vận động cho trẻ thừa cân, béo phì.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Tỷ lệ chuyên cần các lớp.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Sổ theo dõi trẻ bệnh	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng

